

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST

Ngày: 12-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng

Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

Ông Phạm Hiến

Ông Nguyễn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:
Ông Nguyễn Thành Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2020/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; tại Bắc Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 10, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Giáp Thị S, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T (đã chết) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:***

Luật sư Hoàng Minh Q – Văn phòng luật sư H– Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: QL 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

**** Bị hại:***

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945, địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

*** Người làm chứng:**

1. Ông Võ Văn S, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

2. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước

4. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

6. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

7. Ông Phạm Tả A, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

8. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

9. Anh Phạm Quang H, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 26/7/2019, gia đình ông Phạm Văn S, sinh năm 1965, cư trú tổ 10, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước tổ chức đám nhóm họ cho con trai, trong số các khách mời có Nguyễn Văn N và Phạm Văn T đến dự và ngồi cùng bàn. Trong lúc ngồi uống rượu, N cho rằng T chửi N vì N không uống rượu T mời nên xảy ra mâu thuẫn, cả hai đứng dậy định xông vào xô xát nhau thì được mọi người can ngăn nên T và N bỏ về.

Khi về đến nhà, do vẫn còn bức tức T nên N đi ra chuồng dê đặt tại đất nhà bố ruột là ông Nguyễn Văn T, cách nhà ông S 107m lấy 02 con dao (một con dao dạng dao lưỡi bầu, mũi dao nhọn; một con dao dạng dao bài, mũi bằng) cầm trên tay quay lại nhà ông S để tìm đâm T. Chị Nguyễn Thị T (là vợ của N) can ngăn N nhưng

không được nên đi theo, N cầm dao đi tắt qua vườn tiêu nhà anh Võ Văn S ở ấp A, trên đường đi N rút con dao bài vào túi quần phía sau bên phải và vén áo rút con dao bầu vào sau lưng quần rồi đi đến đứng trước cổng nhà ông S để tìm T. Lúc này, chị T thấy anh S đứng gần cổng thì nhờ anh S can ngăn và lấy dao trên người N. Anh S đến đứng sát người N lên lấy con dao bài ở túi quần sau của N vút qua bên kia đường rồi vỗ vai khuyên can N thì N nói “Anh đừng đụng vào người em, đụng vào là đổ máu”, anh S nghe vậy sợ bỏ đi vào trong tiệc. Anh Hoàng Văn Đ và một số người trong nhà ông S cũng ra khuyên N về đi nhưng N không chịu về.

Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô quay lại nhà ông S, dựng xe gần cổng và đi nhanh về phía N. N thấy T đến rút con dao bầu ở phía sau lưng quần bằng tay phải rồi chạy nhanh về phía T. Khi cách N còn khoảng 02 mét, T thấy tay N cầm dao vung lên nên quay lưng bỏ chạy ngược lại. Cùng lúc này chị T đứng gần đó xông vào giữa và dùng hai tay ôm bụng đẩy N ra bị N đâm trúng 01 nhát vào vùng lưng khiến chị T ngã xuống đường. N tiếp tục cầm dao đuổi theo T chạy qua phía bên kia đường, T vấp ngã vào bụi cây xương rồng thì N lao đến dùng chân phải đạp vào cẳng chân trái của T rồi khom người xuống đâm 01 nhát trúng vào đùi phải và 01 nhát trúng vùng bụng trái của T. Thấy vậy, anh T chạy đến từ phía sau ôm kéo N ra, T tát vào mặt N và chửi N mạt đích để can ngăn N. T đứng dậy ôm bụng nói với anh T “Tao bị lòi ruột rồi”. Cùng lúc này, anh Phạm Quang H nghe tin bố là Phạm Văn N bị đánh nên cầm mã tấu chạy qua nhà ông S. N thấy H cầm mã tấu chạy đến, nghĩ H cầm dao đến đâm mình nên N cầm dao đuổi theo thì H bỏ chạy. Khi đuổi H không kịp, N cầm dao quay lại cổng nhà ông S và đưa con dao cho anh Nguyễn Văn K cất. K cầm dao vút vào bụi cỏ ven đường. Chị T và T được mọi người đưa đi cấp cứu, trên đường đi cấp cứu thì chị T đã tử vong, còn T được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước cấp cứu và điều trị đến ngày 07/8/2019 thì xuất viện.

Biết mình đã đâm trúng chị T tử vong nhưng vì muốn có thời gian lo đám tang cho T nên ban đầu N khai T là người đâm chết chị T. Đến ngày 27/7/2019, N ra Công an xã T đầu thú và khai báo lại cho đúng sự thật.

Kết luận giám định số 224/2019/GDPY ngày 30/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận về nguyên nhân chết của Nguyễn Thị T do bị vết thương thấu ngực, thủng xuyên đứt động mạch chủ ngực gây sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong.

Kết luận giám định tỷ lệ phần trăm thương tích số 291/2019/TgT ngày 12/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước về thương tích của Phạm Văn T là 53%; Kết luận giám định thương tích bổ sung số 89/2020/TgT ngày 20/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước về thương tích của Phạm Văn T là 02%, căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế tính tổng tỷ lệ thương tích cơ thể hiện tại là 54%.

Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 91 ngày 28/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: “Về cơ chế hình thành vết thương trên tử thi Nguyễn Thị T: Khi N cầm dao trong tư thế thực nghiệm tác động vào cơ thể thì có thể gây ra được vết thương ở vùng lưng của Nguyễn Thị T”.

Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 90 ngày 28/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: “Về cơ chế hình thành vết thương trên bụng và đùi phải của Phạm Văn T: Khi N cầm dao trong tư thế thực nghiệm tác động vào cơ thể thì có thể gây ra được vết thương ở vùng bụng và đùi phải của Phạm Văn T”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) con dao (dạng dao bầu) dài 37,3cm, lưỡi dao bằng kim loại dạng một lưỡi sắc mũi nhọn dài 24,8cm, chỗ rộng nhất 6,5cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn, đường kính cán lớn nhất đo được là 3,4cm, hai đầu cán dao có ốp khoen kim loại, đầu lưỡi dao có dấu vết cong vênh là hung khí bị can sử dụng gây án.

- 01 (một) đôi dép xốp quai dép màu xanh, mặt trên đế màu hồng, mặt dưới đế màu tím, dài nhất 25cm, rộng nhất 9,6cm, dép dính đất và 01 chiếc dép kẹp trái màu xanh đã cũ, đế dép có nhiều lỗ rỗng, dài nhất 23,6cm, rộng nhất 9,2cm;

- 01 (một) con dao dạng dao bài dài 28,5cm, lưỡi làm bằng kim loại dạng một lưỡi sắc dài 16,5cm, rộng nhất 3,6cm, đầu lưỡi dao tương đối bằng, cán dao được làm bằng gỗ có tiết diện hình chữ nhật, kích thước đo được là (3,0x1,1)cm;

- 01 (một) tuýp nhựa đựng đất đá dính dấu vết màu nâu đỏ (nghi máu);

- 01 (một) dao mã tấu dài 32,5cm, bản rộng trung bình khoảng 3,3cm, mũi dao nhọn; cán dao bằng gỗ dài 15cm bên ngoài quấn băng keo đen, lưỡi dao rỉ sét;

- 01 (một) quần dài bằng vải kaki màu xám đã cũ, lưng quần có nhãn hiệu “COLLECTION KENDO”;

- 01 (một) áo thun vải ngắn tay màu xám đen, vùng ngực áo có sọc ngang màu trắng, cổ áo có nhãn hiệu “PANSNAIE”;

- 01 (một) sợi dây nịt màu đen, mặt dây có chữ D&G;

- 01 (một) quần kaki nam dài màu xanh đen, trên đai lưng quần có nhãn hiệu “DESERT&D.E.S”, trên ống quần bên phải có một vết đứt rách vải dài 7cm, vết đứt sát gọn, một đầu vết đứt rách sát đường nối ống quần trước - sau, một đầu chéch chéo lên ra giữa ống quần; trên lưng quần có một sợi thắt lưng màu đen, mặt thắt lưng có chữ LEVIS;

- 01 (một) áo thun nam ngắn tay màu đỏ, mặt trước áo và hai ống tay áo đã bị cắt rời, trên cổ áo có chữ “NEWFASHION”, nhãn hiệu JCM, mặt trước bên trái áo có vết đứt rách vải sắc gọn nằm ngang dài 3,3cm cách đường nối áo bên trái 4cm.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hữu L là anh ruột của người bị hại Nguyễn Thị T, được ủy quyền là người đại diện hợp pháp cho bị hại T không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

Người bị hại Phạm Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 165.485.328 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi tám đồng). Gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền là 10.000.000 đồng, anh T yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 155.485.328 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 21/CT-VKS-P2 ngày 11/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và sau khi phân tích tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Giết người”.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 19 đến 20 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N:

Thông nhất với Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nguyên nhân và hậu quả xảy ra vụ án để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Phạm Văn T thừa nhận sự việc xảy ra cũng có một phần lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo và ba con còn nhỏ không ai chăm sóc để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất để bị cáo sớm về gia đình chăm sóc các con.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Phạm Văn T và những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được xét hỏi công khai tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 20 giờ ngày 26/7/2019, do bức tức việc Phạm Văn T chửi mình trong buổi tiệc nhóm họ tại nhà ông Phạm Văn S ở ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, mặc dù đã được mọi người can ngăn nhưng Nguyễn Văn N đã đi về nhà lấy 02 con dao quay lại nhà ông S tìm T. Khi thấy T, N dùng một con dao bầu dài 37,3cm, lưỡi dao bằng kim loại dạng một lưỡi sắc mũi nhọn dài 24,8cm, chỗ rộng

nhất 6,5cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn, đường kính cán lớn nhất đo được là 3,4cm, hai đầu cán dao có ốp khoen kim loại lao đến đâm T nhưng do chị Nguyễn Thị T là vợ N xông vào giữa đẩy N ra để can ngăn nên bị N đâm trúng một nhát vào vùng lưng trái dẫn đến tử vong trên đường đi cấp cứu. Sau đó, thấy T bỏ chạy nên N tiếp tục cầm dao đuổi theo đâm vào bụng, đùi của T gây thương tích là 54% và chỉ đến khi được anh Nguyễn Đức T vào can ngăn thì N mới dừng lại, không tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đối với anh T. Anh T được đưa đi cấp cứu và điều trị kịp thời nên không chết.

Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Chỉ vì bức tức về việc bị T chửi trong tiệc rượu nên N đã về nhà lấy dao và dùng dao đâm T nhưng chị T xông vào ngăn cản nên N đã đâm trúng chị T dẫn đến tử vong. Sau khi đâm chị T xong, N tiếp tục dùng dao đuổi theo đâm vào đùi và bụng anh T nhưng do anh Nguyễn Đức T vào can ngăn và T được đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết, T bị thương tích 54%. Việc bị hại T không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo đối với bị hại T còn thể hiện tính còn đồ tính chất côn đồ, hung hãn, sẵn sàng dùng hung khí nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn cá nhân nhỏ nhất.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “Giết người” với tình tiết định khung “Giết 02 người trở lên” và “Có tính chất côn đồ” theo điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đối với bị hại T thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự xã hội, trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào lưng, vào bụng của bị hại là những vùng trọng yếu của cơ thể là trái pháp luật, có thể tước đoạt tính mạng của bị hại nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, mặc dù trước đó đã được can ngăn, hậu quả xảy ra là chị T chết, anh T bị thương tích 54%. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác và bất chấp hậu quả. Do vậy hành vi của bị cáo cần được xét xử bằng một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi gây án, bị cáo N đã ra đầu thú. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 03

con còn nhỏ, là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo có nhân thân tốt (không có tiền án, tiền sự), có cha, mẹ ruột là người có công với cách mạng (tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế); người đại diện hợp pháp của bị hại Thời là bà Nguyễn Thị N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại T và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của đại diện hợp pháp người bị hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N - đại diện hợp pháp của chị T đồng thời là anh ruột của bị hại Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bị hại anh Phạm Văn T và bị cáo thống nhất tổng số tiền bồi thường là 110.000.000 đồng, khấu trừ 10.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh T, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại anh Phạm Văn T số tiền là 100.000.000 đồng. Xét thấy, việc thống nhất thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại là tự nguyện, không bị lừa dối, phù hợp quy định của pháp luật cần công nhận.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng do ông T khắc phục thay cho bị cáo, tại phiên tòa ông T không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án gồm: Các vật chứng thu giữ được trong quá trình giải quyết vụ án, những đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo các Biên bản thu giữ vật chứng, tài liệu, đồ vật ngày 26 và 27/7/2019 (các bút lục số 40-42, 225, 226, 228, 229).

[8] Đối với Phạm Quang H: Khi nghe tin bố mình là ông N bị đánh tại nhà ông S, H có cầm mã tấu chạy đến, không gây thương tích cho ai và được T nhờ chở đi cấp cứu nên không có cơ sở xử lý.

Đối với Nguyễn Văn K: Sau khi gây án, N nhờ K cất dao, K đã cầm dao vút vào bụi cỏ ven đường gần nơi vụ việc xảy ra, tuy nhiên bản thân K không quen biết với T, không có mâu thuẫn với T và K không chứng kiến sự việc mâu thuẫn giữa N và T, không chứng kiến N đâm chị T và anh T. Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo vụ việc, K đã chỉ nơi vút dao, phục vụ cho công tác điều tra vụ án. Do vậy, hành vi của K không đồng phạm với N về tội “Giết người” và không có dấu hiệu của tội “Che giấu tội phạm” nên không đề cập đến việc xử lý.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ được chấp nhận.

[10] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo N tại phiên tòa được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Giết người”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 38, 50, 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 18 (Mười tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 27/7/2019.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Anh Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N - đại diện hợp pháp của chị T đồng thời là anh ruột của bị hại Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn N với bị hại anh Phạm Văn T. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N tiếp tục bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Văn T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T khắc phục thay cho bị cáo, ông T không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (một) con dao (dạng dao bầu) dài 37,3cm, lưỡi dao bằng kim loại dạng một lưỡi sắc mũi nhọn dài 24,8cm, chỗ rộng nhất 6,5cm, cán dao bằng gỗ dạng trụ tròn, đường kính cán lớn nhất đo được là 3,4cm, hai đầu cán dao có ốp khoen kim loại, đầu lưỡi dao có dấu vết cong vênh là hung khí bị can sử dụng gây án.

- 01 (một) đôi dép xốp quai dép màu xanh, mặt trên đế màu hồng, mặt dưới đế màu tím, dài nhất 25cm, rộng nhất 9,6cm, dép dính đất và 01 chiếc dép kẹp trái màu xanh đã cũ, đế dép có nhiều lỗ rỗng, dài nhất 23,6cm, rộng nhất 9,2cm;

- 01 (một) con dao dạng dao bài dài 28,5cm, lưỡi làm bằng kim loại dạng một lưỡi sắc dài 16,5cm, rộng nhất 3,6cm, đầu lưỡi dao tương đối bằng, cán dao được làm bằng gỗ có tiết diện hình chữ nhật, kích thước đo được là (3,0x1,1)cm;

- 01 (một) tuýp nhựa đựng đất đá dính dấu vết màu nâu đỏ (nghi máu);

- 01 (một) dao mã tấu dài 32,5cm, bản rộng trung bình khoảng 3,3cm, mũi dao nhọn; cán dao bằng gỗ dài 15cm bên ngoài quấn băng keo đen, lưỡi dao rỉ sét;

- 01 (một) quần dài bằng vải kaki màu xám đã cũ, lưng quần có nhãn hiệu “COLLECTION KENDO”;

- 01 (một) áo thun vải ngắn tay màu xám đen, vùng ngực áo có sọc ngang màu trắng, cổ áo có nhãn hiệu “PANSNAIE”;

- 01 (một) sợi dây nịt màu đen, mặt dây có chữ D&G;

- 01 (một) quần kaki nam dài màu xanh đen, trên đai lưng quần có nhãn hiệu “DESERT&D.E.S”, trên ống quần bên phải có một vết đứt rách vải dài 7cm, vết đứt sát gọn, một đầu vết đứt rách sát đường nối ống quần trước - sau, một đầu chéch chéo lên ra giữa ống quần; trên lưng quần có một sợi thắt lưng màu đen, mặt thắt lưng có chữ LEVIS;

- 01 (một) áo thun nam ngắn tay màu đỏ, mặt trước áo và hai ống tay áo đã bị cắt rời, trên cổ áo có chữ “NEWFASHION”, nhãn hiệu JCM, mặt trước bên trái áo có vết đứt rách vải sắc gọn nằm ngang dài 3,3cm cách đường nối áo bên trái 4cm.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[6] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- LS bào chữa;
- CQĐT, PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Tổ HCTP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng